

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 09/5/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 39/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992; ĐKKHKT và trú tại: Xóm 5, xã Như Hòa, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)
- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1986; ĐKKHKT: xóm 11, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện chấp hành án tại: Đội 15, phân trại số 2, Trại giam Kênh 7; địa chỉ: Ấp M, xã U, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Trần Thị T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã A, là quê của anh Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Đ tại xóm 11, xã A. Vợ chồng chung sống được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh Đ đã sống ly thân.

Theo chị T nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống. Chị phát hiện anh Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã nhiều lần trao đổi, khuyên giải, vợ chồng hòa giải nhưng không có kết quả. Anh Đ còn thường chửi bới, đánh đập chị. Năm 2021, anh Đ có hành vi vi phạm pháp luật nên đang phải chấp hành án phạt tù tại Đội 15, phân trại số 2, Trại giam Kênh 7. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể

quay về chung sống, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ để chị ổn định cuộc sống

Về con chung: chị xác định vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Thùy L, sinh ngày 26/10/2012 và Hoàng Phi T1, sinh ngày 10/8/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 2 con và không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị T xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Hoàng Văn Đ trong bản tự khai ngày 17/3/2023 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh nhất trí như chị T đã nêu. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh tại xóm 10, xã A đến năm 2016 thì cùng đi làm ăn xa. Trong quá trình đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tính không hợp nhau, mặc dù đã hòa giải để hàn gắn nhưng không có kết quả. Do vậy anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2018. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết

Về con chung: Anh Đ cũng xác định vợ chồng có 2 con chung như chị T đã nêu. Khi ly hôn, anh nhường quyền nuôi cả 2 con cho chị T và không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T vì hiện anh đang phải chấp hành án

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do đang phải chấp hành án phạt tù nên anh Đ có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt

Con chung của vợ chồng là Hoàng Thùy L, sinh ngày 26/10/2012 và Hoàng Phi T1, sinh ngày 10/8/2014 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì 2 cháu đều có nguyện vọng được ở với chị T khi anh Đ và chị T ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn Đ; giao chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng là Hoàng Thùy L, sinh ngày 26/10/2012 và Hoàng Phi T1, sinh ngày 10/8/2014. Anh Hoàng Văn Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Hoàng Văn Đ, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 11, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại Điều 28 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Bị đơn anh Hoàng Văn Đ đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T xác định nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống. Chị phát hiện anh Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã nhiều lần trao đổi, khuyên giải, vợ chồng hòa giải nhưng không có kết quả. Anh Đ còn thường chửi bới, đánh đập chị. Năm 2021, anh Đ có hành vi vi phạm pháp luật nên đang phải chấp hành án phạt tù.

Về phía anh Đ, anh cho rằng việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2018. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh Đ tại UBND xã A là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị T, anh Đ không còn chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh Đ và chị T chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy cả chị T và anh Đ đều xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và anh chị đã có thời gian dài sống ly thân.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T, anh Đ hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh Đ là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung :

Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn Đ đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Thùy L, sinh ngày 26/10/2012 và Hoàng Phi T1, sinh ngày 10/8/2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Về phía anh Đ, anh cũng nhất trí với yêu cầu của chị T

Thực tế từ khi sống ly thân, cả hai con chung ở với chị T, do chị T nuôi dưỡng. Con chung của vợ chồng là Hoàng Thùy L, sinh ngày 26/10/2012 và Hoàng Phi T1, sinh ngày 10/8/2014 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì đều có nguyện vọng được ở với chị T khi anh Đ và chị T ly hôn. Anh Đ hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù nên không thể đảm bảo được việc trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cũng như việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T

Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu và tôn trọng nguyện vọng của con chung thì việc giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh Đ không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị T là phù hợp

[4] Về tài sản chung:

Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn Đ đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét

[5] Về án phí:

Căn cứ quy định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng là Hoàng Thùy L, sinh ngày 26/10/2012 và Hoàng Phi T1, sinh ngày 10/8/2014. Anh Hoàng Văn Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4795 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh